

Lama Tsongkhapa: XUNG TÁN DUYÊN KHỞI

Tựa Đề Tạng Ngữ (Tibetan Title): རྟོན་འབྲེལ་བསྟོན་པ་བསྟན་པ་མོ།

-Tác giả (author): Lama Tsongkhapa

-Việt ngữ: Hồng Như, bản thảo 12 tháng 5 năm 2019

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Xung Tán Duyên Khởi

Lama Tông Khách Ba

Nam mô Guru Manjughoshaya (Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm)

1. Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,
trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.
Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,
Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,
hết thầy đều từ / gốc rễ vô minh.
Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,
chúng được duyên sinh / là đẹp được cả.

3. Nên người có trí
đâu thể không hiểu
rằng pháp duyên sinh
chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

4. Vậy xung tán Phật
đâu có lỗi nào
mẫu nhiệm hơn là
xung tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.

5. “Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra
thì việc ấy vốn / không có tự tánh.”
Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là
lời dạy này đây.

6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ
ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;
cũng chính nơi đó / lại là cửa ngõ
cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.

7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua
nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.
Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] /
thì khác gì gọi / cáo là sư tử,
chỉ giống như lời / tăng bốc mà thôi.

8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!
Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!
Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,
con xin đánh lễ.

9. Để giúp chữa bệnh / nên đấng Lợi Sinh
dạy cho hữu tình
lý luận vô song
xác định tánh không, / trái tim chánh pháp.

10. Lối duyên khởi này
nếu thấy mâu thuẫn / không thể xác minh
thì pháp của Phật
làm sao có thể / thông đạt cho được?

11. Với Phật, bao giờ
chúng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi
sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh
vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.

12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,
ở trong tánh không / không có tác dụng
có tác dụng lại / không có tánh không,
sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.

13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy
hết mực để cao / chứng ngộ duyên khởi;
không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,
mà cũng không phải / là có tự tánh.

14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,
vì vậy không gì / là không tùy thuộc.
Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có
thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.

15. Nên Phật dạy rằng “vì không có gì
không từ duyên khởi
nên trừ phi là / không có tự tánh
bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại.”

16. Phật dạy: “Tự tánh / không hề biến chuyển,
nên nếu các pháp / có chút tự tánh
thì quả niết bàn / không thể nào có,
niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt.”

17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả
đức Phật nói bằng / tiếng sư tử hống,
rằng “sự vật vốn / tách lìa tự tánh”
Lời này đổ ai / đủ sức phân biện.

18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,
mọi sự đều là / “tùy vào cái này
mà cái kia sinh.” / Có cần phải nói

rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?

19. “Vì hiện khởi nên
không vương biên kiến.”
Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy
nên gọi Ngài là / luận sư vô song.

20. “Hết thảy mọi sự / chân tánh vốn không”;
“từ điều này mà / quả kia sinh ra”:
hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau
không hề mâu thuẫn.

21. Nhiệm mầu nào hơn?
kỳ diệu nào hơn?
Tán dương như vậy / mới là tán dương,
bằng không chẳng xứng.

22. Những ai vì bởi / mê muội khống chế
bất thuận với Phật / thì trước âm thanh
của không-tự-tánh / chẳng thể nào kham,
việc này không lạ.

23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quý
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
mới thật lạ kỳ.

24. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
lối ngõ dẫn vào / sự không-tự-tánh.
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy

25. Lạc mất lối ngõ
mà chư thánh giả / đã từng khéo qua.
Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
với con đường lành / khiến cho Phật vui?

26. “Tự tánh, không giả, / và không tùy thuộc”
cùng với “duyên sinh, / tùy thuộc, giả hợp”,
Làm sao có thể / qui về một chỗ
mà không mâu thuẫn?

27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
mặc dù bản lai / vốn là tự tánh,
nhưng mà tướng hiện / lại giống như có,
nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyền.

28. Vì lý do này / nên con hiểu được
dù ai chống đối / với lời Phật dạy
vẫn không làm sao / xét đúng luận lý
mà tìm ra được / chút sơ hở nào.

29. Tại sao như vậy? / Vì lời giảng này

khiến cho sự vật—dù là thấy được /
hay không thể thấy— khả năng khẳng định /
hay là phủ định đều lìa rất xa.

30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,
thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.
Vì lẽ này mà / khởi niềm xác quyết
Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.

31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,
những ai dụng công / theo gót chân Ngài,
bao nhiêu suy thoái / hết thấy đều xa,
bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.

32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy
thì dù lao碌 / trong thời gian dài
lỗi vẫn tăng thêm—như thể gọi mời—
là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.

33. Tuyệt vời lắm thay! / Khi người có trí
hiểu sự khác biệt / giữa hai điều này
khi ấy đáy lòng / không thể nào không
sâu xa kính Phật.

34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
chỉ cần ý nghĩa / một nhánh nhỏ thôi,
dù chỉ đại khái / có được lòng tin,
cũng vẫn đạt được / niềm vui thù thắng.

35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
khối thiện đức ấy / qui y đã lâu,
thế nhưng cho dù / chỉ một mẫu nhỏ
cũng chưa hề có.

36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng
chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,
tín tâm nơi Phật / con được chút ít,
thiết nghĩ đó cũng / là điều đại hạnh.

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;
Trí chứng duyên khởi / trong khắp các trí;
Chỉ có Phật như / để vương tôn thặng / trong cõi thế gian
mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,
đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh
và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn
Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.

39. Ôi! Giáo pháp Phật
rơi vào tai ai
đều khiến bình an,
hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

40. Pháp này tận diệt / hết thầy đối địch;
làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;
giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;
nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.

41. Chính vì vậy mà
Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:
khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,
cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.

42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,/
con thật như là / con cá mắc câu,
từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.
Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.

43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãnh liệt,
núi mãi không buông / tâm trí của con.
Cũng tựa như là / trái tim người mẹ
giữ mãi không rời / đứa con thân yêu.

44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,
là ý nghĩ này / lại hiện trong con:
“Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,
tướng hảo chánh phụ / rực rỡ rạng ngời,

45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy.”
Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,
xoa dịu trái tim / rất bỏng mòn mỏi,
như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.

46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây
phàm phu kém trí
thấy rối mịt mờ
như là cỏ bện.

47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lầm lẫn
theo bậc trí giả
cố gắng nỗ lực
tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.

48. Khi ấy con học
rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,
tâm triển miên khổ
vì lưới hoài nghi.

49-51. Cỗ xe vô thượng / mà Phật để lại,
hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,
được đức Long-thọ—người Phật thọ ký—
giảng đúng như thật.
Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ
ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng
trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,

trí tuệ vô cấu / một khối tròn đầy,
du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,
xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,
ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.
Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,
tâm con khi ấy / mới thật bình yên.

52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm, /
thuyết pháp là nhất. Pháp thuyết cũng vậy, /
là pháp này đây. Vì vậy kẻ trí /
nên từ chỗ này mà nhớ đến Phật.

53. Theo gót đấng bốn sư / tôi xuất gia thanh tịnh
tu học lời Phật dạy / không để cho kém cõi
Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
để tỏ lòng tôn kính / với bậc Đại Chân Thật.

54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
hết thầy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
Vậy công đức nơi đây / tôi nguyện xin hồi hướng
cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.

55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm;
nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư.

56. Nguyện trì pháp Mâu ni,
sáng soi lý duyên khởi,
mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi.

57. “Bậc dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng
mới đạt được pháp này
nay dùng cách nào đây / để hoàng dương chánh pháp?” /
nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này.

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng
Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế
và hộ pháp như là / đức Mahakala
luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơ lơi

*Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác.
Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo
với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019*

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Việt (Vietnamese) | **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

རྟེན་འབྲེལ་བསྟོན་པ་བཞུགས་སོ། །

- ༡ ་ གང་ཞིག་གཟིགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །མ་ཞུན་དང་སྟོན་པ་སླ་ན་མེད། །རྒྱལ་བ་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྲུང། །གཟིགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེལ་འདུད། །
- ༢ ་ འཛིག་རྟེན་རྒྱུད་པ་ཇི་སྟེད། །དེལ་ཕ་བ་མ་རིག་སྟེ། །གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་ལྟོག་པ། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྲུང་བར་གསུངས། །
- ༣ ་ དེ་ཚོ་སྟོང་དང་ལྡན་པ་ཡིས། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྲུང་བའི་ལམ། །ཚོད་ཀྱི་བསྟན་པ་འི་གནད་ཉིད་དུ། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་རྒྱུད་མི་འགྱུར། །
- ༤ ་ དེ་ལྟར་ལགས་ན་མགོན་ཚོད་ལ། །བསྟོན་པ་འི་སྟོང་ནི་ སུ་ཞིག་གིས། །བརྟེན་ནས་འབྲུང་བ་གསུངས་པ་ལས། །དོ་མཚར་གྱུར་པ་ཅི་ཞིག་རྟེད། །
- ༥ ་ གང་གང་རྟེན་ལ་རག་ལས་པ། །དེ་དེ་རང་བཞིན་གྱིས་སྟོང་ཞེས། །གསུངས་པ་འདི་ལས་ལ་མཚན་པའི། །ལེགས་འདོམས་རྒྱལ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡོད། །
- ༦ ་ གང་དུ་བརྒྱུད་བས་བྱིས་པ་རྣམས། །མཐར་འཛིན་འཆིང་བ་བརྟན་བྱེད་པ། །དེ་ཉིད་མཁས་ལ་སྟོན་པ་ཡི། །དྲ་བ་མ་ལུས་གཙོད་པའི་སྟོ། །
- ༧ ་ བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་མཐོང་བས། །སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་ཚོད་ཉིད། །མ་སྟེས་ལ་ནི་སེང་གོ་བཞིན། །སུ་སྟེགས་ཅན་ལ་འདང་གཅམ་བུའི་ཚོག།
- ༨ ་ ཞེ་མའོ་སྟོན་པ་ཞེ་མའོ་སྟབས། །ཞེ་མའོ་སྟོ་མཚོག་ཞེ་མའོ་མགོན། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྲུང་ལེགས་གསུངས་པའི། །སྟོན་པ་དེལ་བདག་ལྷག་འཚོལ། །
- ༩ ་ བན་མཛད་ཚོད་ཀྱིས་འགོ་བཤ། །སྟོན་པའི་སྟོང་དུ་བཀའ་སྟུབ་བ། །བསྟན་པའི་སྟོང་པོ་སྟོང་པ་ཉིད། །དེས་པའི་རྒྱ་མཚན་རྒྱ་མེད་པ། །
- ༡༠ ་ རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྲུང་བའི་རྒྱལ། །འགལ་བ་དང་ནི་མ་གྲུབ་པར། །མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཚོད་ཀྱི་ལུགས། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་རྒྱུད་པར་ལུས། །
- ༡༡ ་ ཚོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །རྟེན་འབྲུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ན། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང། །བྱ་བྱེད་འཐད་པའང་མི་འགལ་ཞིང། །
- ༡༢ ་ དེལས་ལྟོག་པར་མཐོང་བ་ན། །སྟོང་པ་བྱ་བ་མི་རུང་ཞིང། །བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །ཉམས་འདི་གཡང་དུ་ལུང་བར་བཞེད། །
- ༡༣ ་ དེ་ཕྱིར་ཚོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ལ། །རྟེན་འབྲུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསྟུགས། །དེ་ཡང་ཀུན་ཏུ་མེད་པ་དང། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །
- ༡༤ ་ ལྟོས་མེད་ནམ་མཁའི་མེ་ཏོག་བཞིན། །དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་མ་ཡིན། །དོ་བོས་གྲུབ་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །རྒྱ་དང་རྟེན་ལ་ལྟོས་པ་འགལ། །
- ༡༥ ་ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྲུང་བ་ལས། །མ་གཏོགས་ཚོས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་ལས། །མ་གཏོགས་ཚོས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །
- ༡༦ ་ རང་བཞིན་ལྟོག་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །ཚོས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །ལྷ་དང་འདས་པ་མི་རུང་ཞིང། །སྟོས་ཀུན་ལྟོག་པ་མེད་པར་གསུངས། །
- ༡༧ ་ དེ་ཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམ་གྲུལ་ཞེས། །སེང་གོའི་སྟོ་ཡིས་ཡང་ཡང་དུ། །མཁས་པའི་ཚོགས་སུ་ལེགས་གསུངས་པ། །འདིལ་སུ་ཡིས་འགོད་བར་ལུས། །
- ༡༨ ་ རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང། །འདིལ་བརྟེན་ནས་འདི་འབྲུང་བའི། །རྣམ་བཞག་ཐམས་ཅད་འཐད་པ་གཉིས། །མི་འགལ་འདུ་བསྟོས་ཅི་དགོས། །
- ༡༩ ་ བརྟེན་ནས་འབྲུང་བའི་རྒྱ་མཚན་གྱིས། །མཐར་ལྟ་བུ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས། །ལེགས་གསུངས་འདི་ནི་མགོན་ཚོད་ཀྱི། །སྟོ་བ་སླ་ན་མེད་པའི་རྒྱ། །
- ༢༠ ་ འདི་ཀུན་དོ་བོས་སྟོང་པ་དང། །འདིལ་ས་འདི་འབྲུང་འབྲུང་བ་ཡི། །དེས་པ་གཉིས་པོ་ཕན་རྒྱུན་དུ། །གོགས་མེད་པར་ནི་གོགས་བྱེད་པ། །
- ༢༡ ་ འདིལ་ས་དོ་མཚར་གྱུར་པ་དང། །འདིལ་ས་རྒྱ་དུ་བྱུང་བ་གང། །རྒྱལ་འདིས་ཚོད་ལ་བསྟོད་ན་ནི། །བསྟོད་པར་འགྱུར་གྱི་གཞན་དུ་མིན། །
- ༢༢ ་ རྣོངས་པས་བྱ་དུ་བརྒྱུད་པ་ཡིས། །གང་ཞིག་ཚོད་དང་ཞེ་འགས་པ། །དེལས་རང་བཞིན་མེད་པའི་སྟོ། །མི་བཟོད་གྱུར་ལ་མཚར་ཅི་ཡོད། །
- ༢༣ ་ ཚོད་ཀྱི་གསུང་གི་གཅེས་པའི་མཛོད། །བརྟེན་ནས་འབྲུང་བར་ཁས་སྲུངས་ནས། །སྟོང་ཉིད་དོ་མི་བཟོད་པ། །འདིལ་ཁོ་བོ་དོ་མཚར་གྱུར། །
- ༢༤ ་ རང་བཞིན་མེད་པ་བཀྱི་བའི་སྟོ། །སྟོ་མེད་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྲུང་གི། །མིང་ཉིད་ཀྱིས་ནི་རང་བཞིན་དུ། །འཛིན་ན་དཀོ་སྟེ་བོ་འདི། །
- ༢༥ ་ འཕགས་མཚོག་རྣམས་ཀྱིས་ལེགས་བགྲོད་པའི། །འཕྲུག་དོགས་རྒྱ་དང་བྲལ་གྱུར་པ། །ཚོད་དེ་གྱེས་གྱུར་པའི་ལམ་བཟང་དེར། །
ཐས་གང་གིས་ནི་བཀྱི་བར་བྱ། །
- ༢༦ ་ རང་བཞིན་བཅོས་མིན་ལྟོས་མེད་དང། །རྟེན་འབྲེལ་ལྟོས་དང་བཅོས་མ་གཉིས། །ཇི་ལྟར་བུར་གཞི་གཅིག་ལ། །མི་འགལ་འདུ་བ་ཉིད་དུ་འགྱུར། །
- ༢༧ ་ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྲུང་བ་གང། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་གཏོད་མ་ནས། །རྣམ་པར་དབེན་ཡང་དེར་སྤང་བས། །འདི་ཀུན་སྟུ་མ་བཞིན་དུ་གསུངས། །
- ༢༨ ་ ཚོད་ཀྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ། །ཚོལ་བ་འགས་ཀྱང་ཚོས་མཐུན་དུ། །གྲགས་མི་རྟོད་པར་གསུངས་པ་ཡང། །འདི་ཉིད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འཁུམས། །
- ༢༩ ་ ཅི་སྟོང་ཅེན་འདི་བཤད་པས། །མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །སྟོ་འདོགས་པ་དང་སྟུར་འདེབས་ཀྱི། །གོ་སྐབས་རིང་དུ་མཛད་ཕྱིར་དོ། །
- ༣༠ ་ ཚོད་ཀྱི་སྟུ་བ་རྒྱ་མེད་པར། །མཐོང་བའི་རྒྱ་མཚན་རྟེན་འབྲུང་གི། །ལམ་འདི་ཉིད་ཀྱིས་གསུང་གཞན་ཡང། །ཚོད་མར་གྱུར་པར་དེས་པ་སྟེ། །
- ༣༡ ་ དོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ། །ཚོད་ཀྱི་རྟེས་སུ་སྟོབ་པ་ལ། །རྒྱུད་པ་ཐམས་ཅད་རིང་དུ་གྱུར། །ཉེས་ཀུན་ཕ་བ་ལྟོག་ཕྱིར་དོ། །
- ༣༢ ་ ཚོད་ཀྱི་བསྟན་པས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །ཡུན་རིང་ལ་བ་བསྟེན་བྱས་ཀྱང། །ཕྱི་ཕྱིར་སྟོན་རྣམས་བོས་པ་བཞིན། །བདག་ཏུ་ལྟ་བ་བརྟེན་ཕྱིར་དོ། །
- ༣༣ ་ ཞེ་མའོ་མཁས་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི། །ཚུད་པར་ཁོང་དུ་རྒྱུད་གྱུར་པ། །དེ་ཚོ་རྟེན་པའི་ལོང་ནས་ནི། །ཚོད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གྲུས་མི་འགྱུར། །
- ༣༤ ་ ཚོད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་སྟོས། །ཚུམས་རེ་ཡི་དོན་ཅམ་ལ་འདང། །འོལ་སྟེ་ཅམ་གྱི་དེས་རྟེད་པ། །དེལ་འད་མཚོག་གི་བདེ་བ་སྟེར། །

- 34 ། གྲི་རྒྱུད་བདག་སློང་ཚེས་པས་བཅོམ། །འདི་འདྲའི་ཡོན་ཏན་ཕུང་པོ་ལ། །རིང་ནས་སྐབས་སུ་སོང་གྱུར་ཀྱང། །ཡོན་ཏན་ཆེན་མོ་མ་འཚོལ་རྟོ། །
- 35 ། འོན་ཀྱང་འཆིབས་ལམ་ཕྱོགས་པའི། །སྲོག་གི་རྒྱུན་ནི་མ་རྒྱབ་པར། །ཚུད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །ཚུད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །འདི་ཡང་སྐལ་བ་བཟང་སྟེང་བཞུགས། །
- 36 ། རྗེས་སུ་འདི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྟོན་པ་དང། །ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །འཛིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོ་བཞེན། །སྤུལ་བྱུང་ལེགས་པར་ཚུད་མཚུགས་གཞན་གྱིས་མིན། །
- 37 ། རྒྱུད་གྱིས་ཇི་སྟེང་བཀའ་སྟུལ་པ། །རྟེན་འབྲེལ་ཉིད་ལས་བཅུམས་ཏེ་འཇུག། །དེ་ཡང་སྤྱོད་པ་འདྲེན་ཏེ། །ཞི་འགྱུར་མིན་མཛད་ཚུད་ལ་མེད། །
- 38 ། གྲི་མའོ་ཚུད་ཀྱི་བསྟན་པ་ནི། །གང་གི་རྣ་བའི་ལམ་སོང་བ། །དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འགྱུར་གྱིར། །ཚུད་བསྟན་འཛིན་པར་སུ་མི་གུས། །
- 39 ། སས་རྒྱལ་མཐའ་དག་འཛོམས་པ་དང། །ལྷག་འོག་འགལ་འདུས་སྟོང་པ་དང། །སྐྱེ་སྲིད་དོན་གཉིས་སྟེང་བྱེད་པ། །ལུགས་འདིར་ལོ་ལོ་སྤོ་བ་འབེལ། །
- 40 ། འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཚུད་གྱིས་ནི། །ལམ་ལ་རྒྱ་དང་གཞན་དུ་སྲོག་སྤུགས་པའི་གཉེན་དང་ལོངས་སྟོང་ཚོགས། །གངས་མེད་བསྐལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང། །
- 41 ། གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །ལྷགས་ཀྱིས་ཉལ་ཇི་བཞེན་དུ། །ཉིད་གྱིས་སྤྲུགས་དངས་ཚོས་དེ་ནི། །ཚུད་ལས་མ་ཐོས་སྐལ་བ་ཞན། །
- 42 ། དེ་ཡི་སྤྱོད་པ་ལྷགས་གྱིས་ནི། །སྤུགས་པའི་སུ་ལ་མ་ཡི་ཡིད། །རྗེས་སུ་སོང་བ་ཇི་བཞེན་དུ། །བདག་གི་ཡིད་ནི་གཏོང་མི་བྱེད། །
- 43 ། འདི་ཡང་ཚུད་གསུང་བསམ་པ་ན། །མཚན་དཔེའི་དཔལ་གྱིས་རབ་ཏུ་འབར། །འོད་གྱི་དྲ་བས་ཡོངས་བསྐོར་བའི། །སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཚངས་དབྱངས་གྱིས། །
- 44 ། འདི་ནི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྟེང་དུ། །ཡིད་ལ་ཐུབ་པའི་གཞུགས་བརྟན་ནི། །ཤར་བ་ཅོམ་ཡང་ཚོབ་ཡིས། །གཏུངས་ལ་སྐྱེ་བའི་བཞེན་དུ་སྟོན། །
- 45 ། དེ་ལྟར་རྒྱུད་བྱུང་བ་ཡི། །ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཁས་པའི། །སྐྱེ་བོས་བལ་པ་ཇི་བཞེན་དུ། །རྣམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས། །
- 46 ། ཚུལ་འདི་མཐོང་ནས་བདག་གིས་ནི། །འབད་པ་དུ་མས་མཁས་པ་ཡི། །རྗེས་སུ་འབྲངས་ནས་ཚུད་གྱི་ནི། །དགོངས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཅོམ། །
- 47 ། དེ་ཚོར་བཞུགས་སྟེ་པ་ཡི། །གཞུང་མང་དགལ་སྦྱངས་པ་ན། །ཕྱི་ཕྱིར་ཐེ་ཚོམ་དྲ་བ་ཡིས། །བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གཏུངས། །
- 48 ། ཚུད་གྱི་སྐྱེ་བའི་ཐེགས་པའི་ཚུལ། །ཡོད་དང་མེད་པའི་མཐའ་སྦྱངས་ཏེ། །ཇི་བཞེན་འབྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ། །ལྷ་སྐྱབ་གཞུང་ལུགས་ཀུན་འོ་ཚོལ། །
- 49 ། རྗེས་སུ་འཛིན་སྲིད་ཀྱིས་འཁོར་རྒྱས། །གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱ། །མཐར་འཛིན་སྲིད་གི་སྟན་པ་ལེལ། །ལོག་སྲིད་རྒྱ་སྐར་ཐེལ་གཞོན་པ། །
- 50 ། དཔལ་ལྷན་རྒྱ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །སྤྱོད་པའི་དྲིན་གྱིས་མཐོང་བའི་ཚོ། །བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་དལ་གསོ་ཐོབ། །
- 51 ། མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །མཛད་པ་མཚོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །དེ་ཉིད་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །འདི་ལས་སངས་རྒྱུས་རྗེས་དྲན་བྱོས། །
- 52 ། སྟོན་དེའི་རྗེས་སུ་རབ་ཏུ་བྱུང་གྱུར་ཏེ། །རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྦྱངས་པ་མི་དམན་ཞིང། །རྣལ་འབྱོར་སྟོད་ལ་བརྟོན་པའི་དགོས་ཚུངས་ཞིག།
- 53 ། དང་སྟོ་ཆེན་པོ་དེའི་དེ་ལྟར་གསུས། །
- 54 ། སྟོན་པ་སྤྱོད་པའི་བསྟན་པ་དང། །མཐའ་བ་འདི་འདྲ་སྤྱོད་པའི་དྲིན་ཡིན་པས། །དགོ་བ་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །
- 55 ། བཤེས་གཉེན་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱ་རུབ་སྟོ། །
- 56 ། སན་མཛད་དེ་ཡི་བསྟན་པ་འདྲེན་པའི་མཐའ། །དན་རྟོག་རྒྱུད་གིས་རྣམ་པར་མི་ཡོ་ཞིང། །བསྟན་པའི་དང་ཚུལ་ཤེས་ནས་སྟོན་པ་ལ། །ཡིད་ཆེས་རྟེན་པས་རྟེན་ཏུ་གང་བར་ཤོག།
- 57 ། བརྟན་ནས་འབྲུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་ཇོང་པ། །བ་པའི་ལུགས་བཟང་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །ལུས་དང་སྲོག་ཀྱང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །སྤྱོད་ཅིག་ཅོམ་ཡང་ལྟོད་པར་མ་གྱུར་ཅིག།
- 58 ། འདྲེན་པ་མཚོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་གྱིས། །ནན་ཏན་སྟེང་པོར་མཛད་ནས་བསྐྱབས་པ་འདི། །ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འབེལ་བར་འགྱུར་སྟེང་པའི། །རྣམ་པར་དཔྱོད་པས་ཉིན་མཚན་འདའ་བར་ཤོག།
- 59 ། ལྷག་བསམ་དག་པས་ཚུལ་དེར་བརྟོན་པ་ན། །ཚོངས་དང་དབང་པོ་འཛིག་རྟེན་སྟོང་བ་དང། །ལེགས་ལྷན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྤུང་མས་ཀྱང། །གཡེལ་བ་མེད་པར་རྟེན་ཏུ་སྲོགས་བྱེད་ཤོག།
- 60 ། ཅེས་བསྟོད་པ་ལེགས་བཤད་སྟེང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མང་དུ་ཐོས་པའི་དགོས་ཚུངས་སྟོང་སྟོང་བཟང་གཤགས་པའི་དཔལ་གྱིས་སྦྱར་བའོ། །

Việt (Vietnamese) | **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**

རྟེན་འབྲེལ་བསྟོན་པ་བཞུགས་སོ། །

Xung Tán Duyên Khởi

IN PRAISE OF DEPENDENT ORIGINATION

Je Tsongkhapa - Lama Tông Khách Ba

༄༅། །ནམ་གུ་རུ་མཚུ་སྟོ་ལ།

Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm
Nam mô Guru Manjughoshaya

། །གང་ཞིག་གཟིགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །

1. Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,
He who speaks on the basis of seeing,

མཚུན་དང་སྟོན་པ་ལྷན་མེད། །

trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.
This makes him a knower and teacher unexcelled,

རྒྱལ་བ་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང། །

Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,
I bow to you, O Conqueror, you who saw

གཟིགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེལ་འདུད། །

Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.
Dependent origination and taught it.

། །འཇིག་རྟེན་རྒྱུད་པ་ཇི་སྟེད་པ། །

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,
Whatever degenerations there are in the world,

དེལི་ཙུ་བ་མ་རིག་སྟེ། །

hết thảy đều từ / gốc rễ vô minh.
The root of all these is ignorance;

གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་ལྟོག་པ། །

Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,
You taught that it is dependent origination,

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བར་གསུངས། །

chúng được duyên sinh / là dẹp được cả.
The seeing of which will undo this ignorance.

། །དེ་ཚོ་སྟོན་དང་ལྟན་པ་ཡིས། །

3. Nên người có trí
So how can an intelligent person

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ལམ།

đâu thể không hiểu
Not comprehend that this path

ལྟོད་ཀྱི་བསྟན་པ་འདི་གནད་ཉིད་སུ། །

rằng pháp duyên sinh
Of dependent origination is

རིམ་ལོ་འདྲ་ལྟར་མི་འགྲུ་རྟོག་པའི་ལྟར་།

chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

The essential point of your teaching?

༤ ། དེ་ལྟར་ལགས་ན་ མགོན་ཚུན་ལ། །

4. Vây xung tán Phật,

This being so, who will find, O Savior,

བསྟོན་པའི་སྐོར་ནི་ ལུ་ཞིག་གིས། །

đâu có lối nào

A more wonderful way to praise you

བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གསུངས་པ་ལས། །

mẫu nhiệm hơn là

Than [to praise you] for having taught

ངོ་མཚར་ལྗུང་པ་ཅི་ཞིག་རྟེན། །

xung tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.

This origination through dependence?

༥ ། གང་གང་རྟེན་ལ་རག་ལས་པ། །

5. “Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra

“Whatsoever depends on conditions,

དེ་དེ་རང་བཞིན་གྱིས་སྟོང་ཞེས། །

thì việc ấy vốn / không có tự tánh.”

That is devoid of intrinsic existence.”

གསུངས་པ་འདི་ལས་ཡ་མཚན་པའི། །

Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là

What excellent instruction can there be

ལེགས་འདོམས་རྒྱུ་ལ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡིད། །

lời dạy này đây.

More amazing than this proclamation?

༦ ། གང་དུ་བརླུང་བས་བྱིས་པ་རྣམས། །

6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ

By grasping at it the childish

མཐར་འཛིན་འཆིང་བ་བརྟན་བྱེད་པ། །

ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;

Strengthen bondage to extreme views;

དེ་ཉིད་མཁས་ལ་སྐྱོས་པ་ཡི། །

cũng chính nơi đó / lại là cửa ngõ

For the wise this very fact is the doorway

དེ་ལ་མ་ལུས་གཅོད་པའི་སྐོ། །

cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.

To cut free from the net of elaborations.

༧ ། བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་མཐོང་བས། །

7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua

Since this teaching is not seen elsewhere,

སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་བྱེད་ཉིད། །

nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.

You alone are the Teacher;

མ་སྐྱེས་ལ་ནི་སེང་གེ་བཞིན། །

Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] / thì khác gì gọi / cáo là sư tử,

Like calling fox a lion, for a Tirthika

སྙུ་སྟོགས་ཅན་ལའང་གཅུ་སྲུང་ཚིག།

chỉ giống như lời / tâng bốc mà thôi.

It would be a word of flattery.

༤། ཞེ་མའོ་སྟོན་པ་ཞེ་མའོ་སྐྱབས། །

8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!

Wondrous teacher! Wondrous refuge!

ཞེ་མའོ་སྐྱེ་མཚོག་ཞེ་མའོ་མགོན། །

Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!

Wondrous speaker! Wondrous savior!

རྟོན་ཅིང་འབྲེལ་འབྲུང་ལེགས་གསུངས་པའི། །

Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,

I pay homage to that teacher

སྟོན་པ་དེལ་བདག་ལྷག་འཚམ། །

con xin đánh lễ.

Who taught well dependent origination.

༥། བན་མཛད་ཚུད་ཀྱིས་འགྲོ་བ་ལ། །

9. Để giúp chữa bệnh / nên đáng Lợi Sinh

To help heal sentient beings,

སྐྱབས་པའི་སྐྱེད་དུ་བཀའ་སྩལ་བ། །

dạy cho hữu tình

O Benefactor, you have taught

བསྟན་པའི་སྤྲིང་པོ་སྤྲོང་བ་ཉིད། །

lý luận vô song

The peerless reason to ascertain

ངེས་པའི་རྒྱ་མཚན་སྐྱེ་མེད་པ། །

xác định tánh không, / trái tim chánh pháp

Emptiness, the heart of the teaching.

༦། རྟོན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྲུང་བའི་རྒྱུ། །

10. Lối duyên khởi này

This way of dependent origination,

འགལ་བ་དང་ནི་མ་སྐྱབ་པར། །

nếu thấy mâu thuẫn, / không thể xác minh

Those who perceive it

མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཚུད་ཀྱི་ལུགས། །

thì pháp của Phật

As contradictory or as unestablished,

ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་རྒྱུད་པར་རྟུས། །

làm sao có thể / thông đạt cho được?

How can they comprehend your system?

༡༡ ། རྩོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །

11. Với Phật, bao giờ

For you, when one sees emptiness

རྟོག་འབྱུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ན། །

chúng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi

In terms of the meaning of dependent origination,

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང། །

sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh

Then being devoid of intrinsic existence and

བྱ་བྱེད་འཐད་པ་འང་མི་འགལ་ཞིང། །

vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.

Possessing valid functions do not contradict.

༡༢ ། དེ་ལས་ལྗོན་པ་རམ་མཐོང་བ་ན། །

12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,

Whereas when one sees the opposite,

སྟོང་ལ་བྱ་བ་མི་རུང་ཞིང། །

ở trong tánh không / không có tác dụng

Since there can be no function in emptiness

བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །

có tác dụng lại / không có tánh không,

Nor emptiness in what has functions,

ཉམ་ངའི་གཡང་དུ་ལྷུང་བར་བཞིན། །

sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.

One falls into a dreadful abyss, you maintain.

༡༣ ། དེ་ཕྱིར་རྩོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ལ། །

13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy

Therefore in your teaching

རྟོག་འབྱུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསྟན་པས། །

hết mực để cao / chúng ngộ duyên khởi;

Seeing dependent origination is hailed;

དེ་ཡང་ཀུན་ཏུ་མེད་པ་དང། །

không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,

That too not as an utter non-existence

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །

mà cũng không phải / là có tự tánh.

Nor as an intrinsic existence.

༡༤ ། ལྗོ་ས་མེད་ནམ་མཁའ་འི་མེ་ཏོག་བཞིན། །

14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,

The non-contingent is like a sky flower,

དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་པ་ཡིན། །

vì vậy không gì / là không tùy thuộc.

Hence there is nothing that is not dependent.

རོ་བོ་སྐྱབ་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །

Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có

If things exist through their essence, their dependence on

རྒྱ་དང་རྒྱུ་ལ་རྟོགས་པ་འགལ། །

thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.

Causes and conditions for their existence is a contradiction.

༡༥ ་། དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་ལས། །

15. Nên Phật dạy rằng “vì không có gì

“Therefore since no phenomena exist

མ་གཏོགས་ཚེས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །

không từ duyên khởi

Other than origination through dependence,

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་རྟོང་པ་ལས། །

nên trừ phi là / không có tự tánh,

No phenomena exist other than

མ་གཏོགས་ཚེས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །

bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại.”

Being devoid of intrinsic existence,” you taught.

༡༦ ་། རང་བཞིན་རྟོགས་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །

16. Phật dạy: “Tự tánh / không hề biến chuyển,

“Because intrinsic nature cannot be negated,

ཚེས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །

nên nếu các pháp / có chút tự tánh

If phenomena possess some intrinsic nature,

སྤྲུང་ན་འདས་པ་མི་རུང་ཞིང། །

thì quả niết bàn / không thể nào có,

Nirvana would become impossible

སྟོས་ཀྱང་རྟོགས་པ་མེད་པར་གསུངས། །

niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt

And elaborations could not be ceased,” you taught.

༡༧ ་། དེ་ཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམས་བྲལ་ཞེས། །

17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả

Therefore who could challenge you?

སེང་གེ་བུ་སྐྱེ་ཡིས་ཡང་ཡང་དུ། །

đức Phật nói bằng / tiếng sư tử hống,

You who proclaim with lion’s roar

མཁས་པའི་ཚོགས་སུ་ལེགས་གསུངས་པ། །

rằng “sự vật vốn / tách lìa tự tánh”

In the assembly of learned ones repeatedly

འདི་ལ་སུ་ཡིས་འགོང་བར་རྟུས། །

Lời này đố ai / đủ sức phản biện.

That everything is utterly free of intrinsic nature?

༡༨ ་། རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང། །

18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,
That there is no intrinsic existence at all

འདི་ལ་བརྟེན་ནས་འདི་འབྱུང་བའི། །

mọi sự đều là / “tùy vào cái này
And that all functions as “this arising

རྣམ་བཞག་ཐམས་ཅད་འབྲས་བུ་གཉིས། །

mà cái kia sinh.” / Có cần phải nói
In dependence on that,” what need is there to say

མི་འགའ་འདུ་བ་སྣོད་ཅི་དགོས། །

rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?
That these two converge without conflict?

༡༩ ་། བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་རྒྱ་མཚན་གྱིས། །

19. Vì hiện khởi nên
“It is through the reason of dependent origination

མཐར་ལྷ་བ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས། །

không vương biên kiến”
That one does not lean towards an extreme;”

ལེགས་གསུངས་འདི་ནི་མགོ་ན་ཚུད་ཀྱི། །

Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy
That you’ve declared this excellently is the reason,

སྨྲ་བ་སླ་ན་མེད་པའི་རྒྱ། །

nên gọi Ngài là / luận sư vô song
O Savior, of your being an unexcelled speaker.

༢༠ ་། འདི་ཀུན་པོ་མེད་པ་སྣོད་པ་དང། །

20. “Hết thảy mọi sự / chân tánh vốn không”;
“All of this is devoid of essence,”

འདི་ལས་འདི་འབྲས་འབྱུང་བ་ཡི། །

“từ điều này mà / quả kia sinh ra”:
And “From this arises that effect” -

རེས་པ་གཉིས་པོ་ཕན་ཚུན་དུ། །

hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau
These two certainties complement

གཤམ་མེད་པར་ནི་གོ་གས་བྱེད་པ། །

không hề mâu thuẫn.
Each other with no contradiction at all.

༢༡ ་། འདི་ལས་པོ་མཚན་གྱུར་པ་དང། །

21. Nhiệm mầu nào hơn?
What is more amazing than this?

འདི་ལས་མེད་དུ་བྱུང་བ་གང། །

kỳ diệu nào hơn?
What is more marvellous than this?

ཚུལ་འདིས་ཚུད་ལ་བསྟོད་ན་ནི། །

Tán dương như vậy mới là tán dương,
If one praises you in this manner,
བསྟོད་པར་འགྲུར་གྱི་གཞན་དུ་མིན། །
bằng không chẳng xứng.
This is real praise, otherwise not.

༢༢་ཀྱི་ མྱོང་ས་པས་བླན་དུ་བཟུང་བ་ཡིས། །
22. Những ai vì bởi / mê muội không chế
Being enslaved by ignorance
གང་ཞིག་ཚྱོད་དང་ཞེ་འགྲུས་ས། །
bất thuận với Phật / thì trước âm thanh
Those who fiercely oppose you,
དེ་ཡིས་རང་བཞིན་མེད་པའི་སྒྲ། །
của không tự tánh / chẳng thể nào kham,
What is so astonishing about their being
མི་བཟོད་གྲུར་ལ་མཚར་ཅི་ཡོད། །
việc này không lạ.
Unable to bear the sound of no intrinsic existence?

༢༣་ཀྱི་ ཚྱོད་གྱི་གསུང་གི་གཅེས་པའི་མཚོན། །
23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quý
But having accepted dependent origination,
བརྟེན་ནས་འབྱུང་བར་ལས་སྐྱངས་ནས། །
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
The precious treasure of your speech,
སྟོང་ཉིད་ངོ་མི་བཟོད་ས། །
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
Then not tolerating the roar of emptiness -
འདི་ལ་ལོ་བོ་ངོ་མཚར་གྲུར། །
mới thật lạ kỳ.
This I find amazing indeed!

༢༤་ཀྱི་ རང་བཞིན་མེད་ལ་བཀྱི་བའི་སྒྲོ། །
24-25. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
The door that leads to no intrinsic existence,
སྒྲ་མེད་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་གི། །
lời ngỏ dẫn vào / sự không tự tánh.
This unexcelled [door of] dependent origination,
མིང་ཉིད་གྱིས་ནི་རང་བཞིན་དུ། །
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
Through its name alone, if one grasps
འཛོན་ན་དགོ་སྐྱེ་བོ་འདི། །
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy
At intrinsic existence, now this person

༢༥་ཀྱི་ འཕགས་མཚོག་རྣམས་ཀྱིས་ལེགས་བསྟོད་པའི། །

lạc mất lối ngõ
Who lacks the unrivalled entrance,
འཇུག་འོགས་སྐྱོད་པའི་ལྷན་པ།

mà chư thánh giả đã từng khéo qua.
Well travelled by the Noble Ones,
ཁྱོད་དགྲེས་ལྷན་པའི་ལམ་བཟང་དེར།

Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
By what means should one guide him
ཐབས་གང་གིས་ནི་བགྱི་བར་བྱ།

với con đường lành / khiến cho Phật vui?
To the excellent path that pleases you?

༢༦། རང་བཞིན་བཅོས་མིན་ལྟོས་མེད་དང།

26. “Tự tánh, không giả, và không tùy thuộc”
Intrinsic nature, uncreated and non-contingent,
རྟེན་འབྲེལ་ལྟོས་དང་བཅོས་མ་གཉིས།

cùng với “duyên sinh, tùy thuộc, giả hợp”,
Dependent origination, contingent and created -
རྒྱུ་བྱུར་ན་གཞི་གཅིག་ལ།

Làm sao có thể / qui về một chỗ
How can these two converge
མི་འགལ་འདུ་བ་ཉིད་དུ་འབྱུང།

mà không mâu thuẫn?
Upon a single basis without contradiction?

༢༧། དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གང།

27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
Therefore whatever originates dependently,
རང་བཞིན་གྱིས་ནི་གདོད་མ་ནས།

mặc dù bản lai / vốn là tự tánh,
Though primordially free of intrinsic existence,
རྣམ་པར་དབེན་ཡང་དེར་སྣང་བས།

nhưng mà tương hiện / lại giống như có,
Appears as if it does [possess intrinsic existence];
འདི་ཀླན་སྐྱུ་མ་བཞིན་དུ་གསུངས།

nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyền.
So you taught all this to be illusion-like.

༢༨། ཁྱོད་གྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ།

28. Vì lý do này / nên con hiểu được
Through this very fact I understand well
སྐོལ་བ་འགས་ཀྱང་ཚོས་མ་སྤུན་དུ།

dù ai chống đối / nơi lời Phật dạy
The statement that, to what you have taught,
གྲགས་མི་རྟོད་པར་གསུངས་པ་ཡང།

vẫn không làm sao / xét đúng luận lý

Those opponents who challenge you
འདི་ཉིད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འཇུག་པས། །
mà tìm ra được / chút sơ hở nào.
Cannot find faults that accord with reason.

29 ། ཅི་སྲིད་ཅེན་འདི་བཤད་པས། །
29. Tại sao như vậy? Vì lời giảng này
Why is this so? Because by declaring these
མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །
khiến cho sự vật / -dù là thấy được / hay không thể thấy-
Chances for reification and denigration
སྐོ་འདོགས་པ་དང་སྐྱར་འདེབས་ཀྱི། །
khả năng khẳng định / hay là phủ định
Towards things seen and unseen
གོ་སྐབས་རིང་དུ་མཛད་ཕྱིར་རོ།
đều lìa rất xa.
Are made most remote.

30 ། རྩོད་ཀྱི་སྐབས་ཐུག་མེད་པར། །
30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,
Through this very path of dependent origination,
མཐོང་བའི་རྒྱ་མཚན་རྟེན་འབྱུང་གི། །
thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.
The rationale for your speech being peerless,
ལམ་འདི་ཉིད་ཀྱིས་གསུང་གཞན་ཡང་། །
Vì lẽ này mà / khởi niềm xác quyết
Convictions arise in me [also]
ཚད་མར་གྱུར་པར་ངེས་པ་སྟེ། །
Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.
That your other words are valid too.

31 ། རོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ། །
31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,
You who speak excellently by seeing as it is,
རྩོད་ཀྱི་རྩེས་སུ་སྐྱོབ་པ་ལ། །
những ai dụng công / theo gót chân Ngài,
For those who train in your footsteps,
སྐྱད་པ་ཐམས་ཅད་རིང་དུ་གྱུར། །
bao nhiêu suy thoái / hết thảy đều xa,
All degenerations will become remote;
ཉེས་ཀྱན་རྩ་བ་ལྲོག་ཕྱིར་རོ།
bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.
For the root of all faults will be undone.

32 ། རྩོད་ཀྱི་བསྐྱར་ལས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །
32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy

But those who turn away from your teaching,
 ཡུན་རིང་ལ་བ་བསྟེན་བྱས་ཀྱང། །
 thì dù lao碌 / trong thời gian dài
 Though they may struggle with hardship for a long time,
 ཕྱི་ཕྱིར་སྟོན་རྣམས་ལོས་པ་བཞིན། །
 lỗi vẫn tăng thêm / -như thể gọi mời-
 Faults increase ever more as if being called forth;
 བདག་ཏུ་ལྟ་བ་བརྟན་ཕྱིར་ལོ། །
 là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.
 For they make firm the view of self.

༣༣་། ཨེ་མའོ་མཁའ་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི།
 33. Tuyệt vời lắm thay! Khi người có trí
 Aha! When the wise comprehend
 ཟུང་བར་ཁོང་དུ་ཚུད་ཐུང་ས། །
 hiểu sự khác biệt / giữa hai điều này,
 The differences between these two,
 དེ་ཚོ་ཀར་གཤིས་ཁོང་ནས་ནི།
 khi ấy đay lòng / không thể nào không
 Why would they not at that point
 རྒྱུད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གཤམ་མི་འགྱུར།
 sâu xa kính Phật.
 Revere you from the depths of their being?

༣༤་། རྒྱུད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་སྟོས། །
 34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
 Let alone your numerous teachings,
 ཆམས་རེ་ཡི་དོན་ཅམ་ལའང། །
 chỉ cần ý nghĩa một nhánh nhỏ thôi
 Even in the meaning of a small part,
 འོ་ལ་སྤྱི་ཅམ་གྱི་རེས་ལྟེད་ས། །
 dù chỉ đại khái có được lòng tin
 Those who find ascertainment in a cursory way,
 དེ་ལའང་མཚོག་གི་བདེ་བ་སྟེར། །
 cũng vẫn đạt được niềm vui thù thắng.
 This brings supreme bliss to them as well.

༣༥་། ཀྱི་རུད་བདག་སྐོལ་མོངས་པས་བཅོམ། །
 35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
 Alas! My mind was defeated by ignorance;
 འདི་འདྲའི་ཡོན་ཏན་ཕྱང་ལོ་ལ། །
 khỏi thiện đức ấy / qui y đã lâu,
 Though I've sought refuge for a long time,
 །རིང་ནས་སྐྱབས་སུ་སོང་བྱུང་ཀྱང། །
 thế nhưng cho dù / chỉ một mẫu nhỏ
 In such an embodiment of excellence,

ཡོན་ཏན་ཆེན་མེད་མེད་ལྟོ། །

cũng chưa hề có.

I possess not a fraction of his qualities.

༣༦། འོན་ཀྱང་འཆི་བདག་ཁར་ཕྱོགས་པའི། །

36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng
Nonetheless, before the stream of this life

སྲོག་གི་རྒྱུ་ནི་མ་ལུབ་པར།

chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,
Flowing towards death has come to cease

ཁྱོད་ལ་རྩེ་བུ་ཡིད་ཆེས་པ། །

tín tâm nơi Phật / con được chút ít,
That I have found slight faith in you -

འདི་ཡང་སྐུ་བ་བཟང་སྣུམ་བགྱིད། །

thiết nghĩ đó cũng là điều đại hạnh.
Even this I think is fortunate.

༣༧། ལྡོག་པའི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྣོན་པ་དང། །

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;
Among teachers, the teacher of dependent origination,

ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །

Trí chúng duyên khởi / trong khắp các trí;
Amongst wisdoms, the knowledge of dependent origination -

འཇིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱུ་བའི་དབང་ལོ་བཞིན། །

Chỉ có Phật như / đế vương tôn thẳng / trong cõi thế gian
You, who're most excellent like the kings in the worlds,

ཕུལ་བྱུང་ལེགས་པར་ཁྱོད་མཁྱེན་གཞན་གྱིས་མིན།

mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.
Know this perfectly well, not others.

༣༨། ཁྱེད་གྱིས་ཇི་སྟེད་བཀའ་སླུལ་པ། །

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,
All that you have taught

རྟེན་འབྲེལ་ཉིད་ལས་བརྒྱུམས་ཏེ་འཇུག།

đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh
Proceeds by way of dependent origination;

དེ་ཡང་སྐུ་རན་འདའ་ཕྱིར་ཏེ། །

và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn.
That too is done for the sake of nirvana;

ཞི་འགྱུར་མིན་མཛད་ཁྱོད་ལ་མེད། །

Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.
You have no deeds that do not bring peace.

༣༩། གྲི་མའོ་ཁྱོད་གྱི་བསྟན་པ་ནི། །

39. Ôi! Giáo pháp Phật
Alas! Your teaching is such,

གང་གི་རྒྱ་བའི་ལམ་སོང་བ།

rơi vào tai ai

In whosoever's ears it falls,

།དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འགྱུར་གྱིས། །

đều khiến bình an,

They all attain peace; so who would not be

།ཁྱོད་བསྟན་འཛིན་པར་སུ་མི་གུས། །

hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

Honoured to uphold your teaching?

༤༠་། བས་ཚོལ་མཐའ་དག་འཛོམས་པ་དང། །

40. Pháp này tận diệt / hết thảy đối địch;

It overcomes all opposing challenges;

།ལྷག་འོག་འགལ་འདུས་སྤོང་པ་དང། །

làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;

It's free from contradictions between earlier and latter parts;

།སྐྱེ་སྐྱུ་འོ་དོན་གཉིས་སྤྱོད་བྱེད་པ། །

giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;

It grants fulfilment of beings' two aims -

།ལུགས་འདིར་འོ་བོ་སྐྱོ་བ་འཕེལ། །

nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.

For this system my joy increases ever more.

༤༡་། འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཁྱོད་གྱིས་ནི། །

41. Chính vì vậy mà

For its sake you have given away,

།ལ་ལར་སྐྱེ་དང་གཞན་དུ་སྤོང། །

Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:

Again and again over countless eons,

།སྐྱུག་པའི་གཉེན་དང་འོངས་སྤྱོད་ཚོགས། །

khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,

Sometimes your body, at others your life,

།གངས་མེད་བསྐྱལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང། །

cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.

As well as your loving kin and resources of wealth.

༤༢་། གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །

42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,

Seeing the qualities of this teaching

།ལུགས་ཀྱིས་ཉལ་ཅི་བཞིན་དུ། །

con thật như là / con cá mắc câu,

Pulls [hard] from your heart,

།ཉིད་གྱིས་སྐྱུགས་དངས་ཚོས་དེ་ནི། །

từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.

Just like what a hook does to a fish;

།ཁྱོད་ལས་མ་ཐོས་སྐྱལ་བ་ཞན། །

Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.
Sad it is not to have heard it from you.

ཅན་ཀྱི་ དེ་ཡི་སྤྱོད་ཀྱི་གཞི་སྒྲིལ་ནི། །

43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãnh liệt,
The intensity of that sorrow

སྤྱོད་ཀྱི་པའི་བྱ་ལ་མ་ཡི་ཡིད། །

níu mãi không buông / tâm trí của con.
Does not let go of my mind,

རྗེས་སུ་སོང་བ་ཇི་བཞིན་དུ། །

Cũng tựa như là / trái tim người mẹ
Just like the mind of a mother

བདག་གི་ཡིད་ནི་གཏོང་མི་བྱེད། །

giữ mãi không rời / đưa con thân yêu.
[Constantly] goes after her dear child.

ཅན་ཀྱི་ འདི་ལ་འདྲོད་གསུང་བསམ་པ་ན། །

44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,
Here too, as I reflect on your words, I think,

མཚན་དཔེ་འདི་དཔལ་གྱིས་རབ་ཏུ་འབར། །

là ý nghĩ này / lại hiện trong con.
"Blazing with the glory of noble marks

འོད་གྱི་བྱ་བས་ཡོངས་བསྐོར་བའི། །

"Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,
And hallowed in a net of light rays,

སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཚེས་དབྱངས་ཀྱིས། །

tướng hảo chánh phụ / rục rờ rạng ngời,
This teacher, in a voice of pristine melody,

ཅུ་ཀྱི་ འདི་ནི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྟུང་དུ། །

45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy."
Spoke thus in such a way."

ཡིད་ལ་སྤོབ་པའི་གཟུགས་བརྗོད་ནི། །

Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,
The instant such a reflection of the Sage's form

ཤར་བ་ཙམ་ཡང་ཚ་བ་ཡིས། །

xoa dịu trái tim / rất bỗng mơn mõi,
Appears in my mind it soothes me,

གཏུངས་ལ་མྱེ་བའི་ཞིན་དུ་སྐྱོན། །

như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.
Just as the moon-rays heal fever's pains.

ཅུ་ཀྱི་ དེ་ལྟར་མཐོང་དུ་བྱུང་བ་ཡི། །

46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây,
This excellent system, most marvellous,

ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཁས་པའི། །

phàm phu kém trí

Some individuals who are not so learned

མྱོ་བོས་བལ་བ་ཚ་བཞིན་དུ།

thấy rối mịt mờ

Have entangled it in utter confusion,

རྣམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས།

như là cỏ bện.

Just like the tangled *balbaza* grass.

༤༧། །ཚུལ་འདི་མཐོང་ནས་བདག་གིས་ནི།

47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lảm lẩn

Seeing this situation, I strove

འབད་བ་དུ་མས་མཁས་པ་ཡི།

theo bậc trí giả

With a multitude of efforts

།ཇིས་སུ་འབྲངས་ནས་ཚོད་ཀྱི་ནི།

cố gắng nỗ lực

To follow after the learned ones

དགོངས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཅོལ།

tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.

And sought your intention again and again.

༤༨། །དེ་ཚོ་རང་གཞན་སྡེ་བ་ཡི།

48. Khi ấy con học

At such times as I studied the numerous works

གཞུང་མང་དག་ལ་སྦྱངས་པ་ནི།

rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,

Of both our own [Middle Way] and other schools,

ཕྱི་ཕྱིར་བེ་ཚོས་དུ་བ་ཡིས།

tâm triền miên khổ

My mind became tormented ever more

བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གདུངས།

vì lưới hoài nghi.

Constantly by a network of doubts.

༤༩། །ཚོད་ཀྱི་སྐྱེ་མེད་ཐེག་པའི་ཚུལ།

49-51. Cỏ xe vô thượng / mà Phật để lại,

The night-lily grove of Nagarjuna's treatises -

ཡོད་དང་མེད་པའི་མཐའ་སྦྱངས་ཏེ།

hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,

Nagarjuna whom you prophesized

ཇི་བཞིན་འགྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ།

được đức Long-thọ - người Phật thọ ký - giảng đúng như thật.

Would unravel your unexcelled vehicle as it is,

ལྷ་སྐྱབ་གཞུང་ལུགས་ཀྱི་རྒྱའི་ཚུལ།

Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ

Shunning extremes of existence and non-existence -

༤༠། ཇི་མེད་མཚུན་པའི་དཀྱིལ་འཁོར་རྒྱས། །

ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng
Illuminated by the garland of white lights

གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱ། །

trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,
Of Candra's well-uttered insights -

མཐར་འཛིན་སྣང་གི་སྤྲུལ་པ་སེལ། །

trí tuệ vô cấu / một khối tròn đầy,
Candra, whose stainless wisdom orb is full,

ལོག་སྤྲིལ་རྒྱ་རྒྱར་གྱི་གོམས་ཀྱི། །

du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,
Who glides freely across scriptures' space,

༤༡། དཔལ་ལྷན་སྐྱེ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །

xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,
Who dispels the darkness of extremist hearts

འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །

ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.
And outshines the constellations of false speakers -

སྤྲེལ་ཇི་ཇི་གྱིས་མཐོང་བའི་ཚོ། །

Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,
When, through my teacher's kindness, I saw this

བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་ངལ་གསོ་ཐོབ། །

tâm con khi ấy / mới thật bình yên.
My mind found a rest at last.

༤༢། མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །

52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm / thuyết pháp là nhất.
Of all your deeds, your speech is supreme;

མཛད་པ་མཚོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །

Pháp thuyết cũng vậy / là pháp này đây.
Within that too it is this very speech;

དེ་ཉིད་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །

Vi vậy kẻ trí / nên từ chỗ này
So the wise should remember the Buddha

འདི་ལས་སངས་རྒྱལ་ཇེས་དྲན་ཚུལ། །

mà nhớ đến Phật.
Through this [teaching of dependent origination].

༤༣། ལྷོན་དེའི་ཇེས་སུ་རབ་ཏུ་བྱུང་གྱུར་ཏེ། །

53. Theo gót đấng bốn sư / tôi xuất gia thanh tịnh
Following such a teacher and having become a renunciate,

རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྦྱངས་པ་མི་དམན་ཞིང། །

tu học lời Phật dạy / không để cho kém cỏi

Having studied the Conqueror's words not too poorly,
རྣམ་འབྱོར་སྣོད་ལ་བརྩོན་པའི་དགེ་སློང་ཞིག།

Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
This monk who strives in the yogic practices,
བྲང་སློང་ཆེན་པོ་དེ་ལ་དེ་ལྟར་གུས། །

để tỏ lòng tôn kính / bậc Đại Chân Thật giả
Such is [the depth of] his reverence to the great Seer!

༥༤ ། ལྷོན་པ་སློན་མེད་པའི་བསྟན་པ་དང་། །

54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
Since it is due to my teacher's kindness

མཇུག་བའི་འདི་འདྲ་སློན་མེད་འི་བྱིན་ཡིན་པས། །

hết thầy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
I have met with the teaching of the unexcelled teacher,

དགེ་བའི་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །

Vậy công đức ở đây / tôi nguyện xin hồi hướng
I dedicate this virtue too towards the cause

བཤེས་གཉེན་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱ་རུ་བསྟོ། །

cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.
For all beings to be sustained by sublime spiritual mentors.

༥༥ ། བན་མཛད་དེ་ཡི་བསྟན་པ་འདུན་པའི་མཐའ་། །

55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
May the teaching of this Beneficent One till world's end

བན་རྩོག་རྒྱུང་གིས་རྣམ་པར་མི་གཡོ་ཞིང་། །

không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm
Be unshaken by the winds of evil thoughts;

བསྟན་པའི་དང་རྒྱུ་ཤེས་ནས་སྣོན་པ་ལ། །

nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
May it always be filled with those who find conviction

ཡིད་ཆེས་སྣོད་པས་ ཉག་ཏུ་གང་བར་ཤོག།

nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư
In the teacher by understanding the teaching's true nature.

༥༦ ། བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་མཛད་པ། །

56. Nguyện trì pháp Mậu ni
May I never falter even for an instant

ཐུབ་པའི་ལུགས་བཟང་སླེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །

sáng soi lý duyên khởi
To uphold the excellent way of the Sage,

ལུས་དང་སློག་གྲང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །

mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
Which illuminates the principle of dependent origination,

སྐད་ཅིག་ཅམ་ཡང་སྟོད་པར་མ་གྱུར་ཅིག།

không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi
Through all my births even giving away my body and life.

ལཔ་། འདྲན་པ་མཚོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་ཀྱིས། །

57. “Bật dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng
May I spend day and night carefully reflecting,

ནན་ཏན་སྒྲིང་པོར་མཚོད་ནས་བསྐྱབས་པ་འདི། །

mới đạt được pháp này
“By what means can I enhance

ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འཕེལ་བར་འགྱུར་སྐྱམ་པའི། །

nay dùng cách nào đây / để hoằng dương chánh pháp?”
This teaching achieved by the supreme savior

རྣམ་པར་དཔྱོད་པས་ཉིན་མཚན་འདད་བར་ཤོག།

nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này
Through strenuous efforts over countless eons?”

ལཔ་། ལྷག་བསམ་དག་པས་རྒྱལ་དེར་བརྩོན་པ་ན། །

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng
As I strive in this with pure intention,

ཚུམས་དང་དབང་པོ་འཇིག་རྟེན་སྐྱོད་བ་དང། །

Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế
May Brahma, Indra and the world's guardians

ལེགས་ལྷན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྤུང་མས་ཀྱང། །

và hộ pháp như là / đức Mahakala
And protectors such as Mahakala

གཡེལ་བ་མེད་པར་རྟག་ཏུ་གྲོགས་བྱེད་ཤོག།

luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơ ngại
Unswervingly, always assist me.

ཅེས་བརྗོད་པ་ལེགས་བཤད་སྤྱིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མང་དུ་ཐོས་པའི་དགེ་སློང་སློབ་མཁན་གྲགས་པའི་དཔལ་གྱིས་སྐྱུར་བའོ།

Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác. Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019. This hymn entitled “Essence of Well-Uttered Insights,” praising the unexcelled Teacher – the great friend to the entire world [even] to the unfamiliar – for teaching the profound dependent origination, was composed by the well-read monk Lobsang Drakpai Pal. It was written at the heavenly retreat of Lhading on the towerng mountain of Odé Gungyal, otherwise known as [Ganden] Nampar Gyalwai Ling. The scribe was Namkha Pal. Translated from the Tibetan by Geshe Thupten Jinpa. © Geshe Thupten Jinpa.

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**

Xưng Tán Đức Quan Thế Âm

- PO PRAYER - *Praise to Chenrezig* -

Ngôn ngữ (languages): Việt, Tạng văn (Tib.), Tạng âm (Tib. pronunciation), Anh ngữ English)

Việt ngữ: Hồng Như - bản dịch hiệu đính 2013

Nghe tụng MP3: << Xem Trang Thâu Âm (link to the audio page) >>

- **Tiếng Việt**
- **Tạng Văn**
- **Tạng Âm**
- **English**

XUNG TÁN ĐỨC QUAN THẾ ÂM

Om - Kính lạy đấng chở che cõi thế.

Đức Quan Thế Âm là đại đạo sư toàn cõi thế gian.

Chúng sinh ba cõi
đều tán dương ngài.
Các bậc Thiên Vương,
Ma Vương, Phạm Vương
đều tán dương ngài.
Tán dương ngài là
bậc đại thành tựu
là người mà đức
Thích Ca Mâu Ni
vẫn hằng tán dương.

Con xin đánh lễ
bậc đại hộ trì
luân hồi ba cõi.
Thân ngài mầu nhiệm,
là thân của khắp
mười phương Phật đà.
Đỉnh đầu ngài điểm
Phật Vô Lượng Quang.
Tay phải mở ra
bắt ấn thí nguyện
xóa tan đói khát
của loài quỷ đói;

Với bàn tay trái
trang nghiêm một đóa
sen màu hoàng kim;
Suối tóc ngát hương
cuộn dòng lấp lánh
như chuỗi ngọc cam;
Gương mặt tuyệt hảo

tựa vầng trăng tròn;
Đôi mắt cánh sen
đẹp ngời trong sáng ;

Hương thơm thanh tịnh
như tuyết trắng ngần
như làn ốc quý;
Cầm chuỗi ngọc trai
lóng lánh sáng ngời ;
Y áo tỏa rạng
như ánh bình minh;
Cánh tay dịu ngọt
như là ao sen;

Trẻ trung lấp lánh
như áng mây thu;
Bờ vai điểm kết
thật nhiều châu báu
Bàn tay mịn muốt
như đọt lá non;
Bờ ngực bên trái
da nai kín phủ;

Tay, chân và tai
điểm đầy trang sức
lộng lẫy uy nghi.
Ngài trú ở trên
đài sen tinh khiết;
Làn bụng thanh điệu
như là cánh sen;
Thắt lưng hoàng kim
khảm đầy châu báu;

Quần tơ lụa mịn.
Ngài là diệu trí
của đức Mâu Ni,
người đã vượt qua
bến bờ bên kia.
Ngài đã viên thành
công đức vô lượng
đạt quả vô thượng,
là nguồn an lạc
tận diệt bệnh, lão;

Là Tam-giải thoát,
thị hiện niềm vui
của cõi Không hành;
Là đấng Thế tôn,
chiến thắng tất cả
sức mạnh ma vương;
Bước chân vang vọng
tiếng chạm chuỗi vàng.

Chốn định của ngài
siêu việt cõi định
của đấng Phạm Thiên.

Dáng đi thanh thoát
như loài thiên nga,
và cũng uy nghi
như voi kiêu dũng;
Viên thành phước tuệ
chấp trì diệu pháp.
Là bậc cứu độ
chúng sinh thoát khỏi
biển rộng của sữa,
biển rộng của nước.

Thiện nam thiện nữ,
ai người thức dậy
khi trời rạng sáng,
Ngay từ trong tim
thành tâm cung thỉnh
đức Quan Thế Âm
với tâm trong sáng
tụng niệm rõ ràng
bài xưng tán này,
thời kiếp hiện tiền
và mọi kiếp sau,
bao nhiêu mong cầu
thế gian, xuất thế
đều được như nguyện.

- Tiếng Việt
- **Tạng Văn**
- Tạng Âm
- English

༄༅། དཀོན་མཆོག་གསུམ་ལ་བྱུག་འཚལ་ལོ།

།ནམ་མཁུ་གྲི་ཡེ། །ནམ་མཁུ་གྲི་ཡེ། །ནམ་མཁུ་གྲི་ཡེ་སྟེ།

ལན་གསུམ་གྲིས་སྟེ།

།ཨོ་འཛིན་རྟེན་མཐོན་པོ་ལ་བྱུག་འཚལ་ལོ། །འཛིན་རྟེན་སྐྱེ་བ་སྲིད་པ་གསུམ་གྲིས་བསྟོད་པ་པོ།

།ལྷ་ཡི་གཙོ་བོ་བདུད་དང་ཚངས་པས་བསྟོད་པ་པོ། །བྱུག་པའི་རྒྱལ་མཆོག་བསྟོད་པས་གྲུབ་པར་མཛད་པ་པོ།

༄༅། འཇིག་རྟེན་གསུམ་གྱི་མགོན་པོ་མཚོག་ལ་ཕྱག་འཚེལ་ལོ། །བདེ་གཤེགས་དཔག་མེད་སྐྱ་སྐྱ་བཟང་འཇིན་པ་པོ།
།བདེ་གཤེགས་སྐྱང་བ་མཐའ་ཡས་དབུ་རྒྱན་འཇིན་པ་པོ། །ཕྱག་གཡས་མཚོག་སྦྱིན་ཡི་དྲགས་བཤེས་སྐྱོམ་སེལ་བ་པོ།
།ཕྱག་གཡོན་གསེར་གྱི་ཕྱད་སྐྱུ་རྣམ་པར་བརྒྱན་པ་པོ། །དྲི་ཞིམ་རལ་པའི་ཕྱེད་བ་དམར་སེར་འཇུག་པ་པོ།
།ཞལ་རས་རྒྱས་པ་སྐྱ་བ་ལྟ་བུར་མཛེས་པ་པོ། །སྦྱོན་གྱི་ཕྱད་མཚོག་ཏུ་བཟང་ཞིང་ཡངས་པ་པོ།

༄༅། ཁ་བ་དུང་ལྟར་རྣམ་དཀར་དྲི་དང་ལྟན་པ་པོ། །དྲི་མེད་འོད་ཆགས་སུ་ཉིག་ཚོམ་བུ་འཇིན་པ་པོ།
།མཛེས་པའི་འོད་ཟེར་སྐྱ་རེངས་དམར་པོས་བརྒྱན་པ་པོ། །ཕྱད་འཛོལ་ལྟར་ཕྱག་ནི་མངར་བར་བྱས་པ་པོ།
།སྦྱོན་ཀའི་སྦྱིན་གྱི་མདོག་དང་ལྟན་ཞིང་གཞོན་པ་པོ། །རིན་ཆེན་མང་པོས་དཔུང་བ་གཉིས་ནི་བརྒྱན་པ་པོ།
།ལོ་མའི་མཚོག་ལྟར་ཕྱག་མཐིལ་གཞོན་ཞིང་འཇམས་པ་པོ། །རི་དྲགས་པགས་པས་ལུ་མ་གཡོན་པ་བཀའ་བ་པོ།

༄༅། སྦྱོན་ཆ་གདུ་བུས་སྐྱེག་ཅིང་རྒྱན་རྣམས་འཆང་བ་པོ། །དྲི་མ་མེད་པའི་ཕྱད་འཛོག་ལ་གནས་པ་པོ།
།སྦྱོ་བའི་པོས་ནི་ཕྱད་འོད་བས་ལྟར་འཇམས་པ་པོ། །གསེར་གྱི་སྐྱ་རགས་མཚོག་ལ་ལོར་བུས་སྦྱས་པ་པོ།
།སྦྱོ་བུར་དཀྱིས་པའི་རས་བཟང་ཤམ་ཐབས་འཇིན་པ་པོ། །སྦྱབ་པའི་མཁྱེན་མཚོག་མཚོ་ཆེན་པོ་ལ་ཕྱིན་པ་པོ།
།མཚོག་བརྟེས་བསོད་ནམས་མང་པོས་ཉེ་བར་བསགས་པ་པོ། །རྟག་ཏུ་བདེ་བའི་འབྱུང་གནས་རྒྱ་ནག་སེལ་བ་པོ།

༄༅། གསུམ་མཐར་མཛད་ཅིང་མཁའ་སྦྱོད་སྦྱོད་པ་སྦྱོན་པ་པོ། །ལུས་ཅན་མཚོག་སྦྱོ་བདུད་དཔུང་འཇུགས་ལས་རྒྱལ་བ་
པོ།
།གསེར་གྱི་རྒྱུ་གདུབ་སྦྱོ་ཡིས་ཞབས་ཡིད་འོང་བ་པོ། །ཚངས་པའི་གནས་པ་བཞི་ཡིས་དབེན་པར་མཛད་པ་པོ།
།ངང་པའི་འགྲོས་འདྲ་སྦྱང་ཆེན་དེགས་ལྟར་གཤེགས་པ་པོ།
།ཚོགས་ཀྱང་ཉེ་བར་བསགས་ཤིང་བསྟན་པ་གཉེར་བ་པོ། །ལོ་མའི་མཚོ་དང་རྒྱུ་ཡི་མཚོ་ལས་སྦྱོལ་བ་པོ། །

༄༅། གང་ཞེག་རྟག་ཏུ་ཐོ་རངས་ལང་ནས་གུས་པ་ཡིས། །སྦྱོན་རས་གཟིགས་གྱི་དབང་པོ་ཡིད་ལ་སེམས་བྱེད་ཅིང་།
།བསྦྱོད་པའི་མཚོག་འདིས་དག་ཅིང་གསལ་བར་བསྦྱོད་བྱེད་ན། །དེ་ནི་སྦྱོས་པའམ་ནི་བྱུང་མེད་ཡིན་ཀྱང་རུང་།

།འཇིག་རྟེན་འདི་འམ་མ་འོངས་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །འཇིག་རྟེན་འཇིག་རྟེན་ལས་འདས་དགོས་པ་ཀུན་འགྲུབ་ཤོག།

།སོགས་ཚེ་ཉེར་གཅིག་གས་བདུན་བརྗོད།

- **Tiếng Việt**
- **Tạng Văn**
- **Tạng Âm**
- **English**

KON CHOK SUM LA CHAK TS'HAL LO

NA MO MAN JU SHRI YE. NA MA SU SHRI YE. NA MO U TA MA SHI RI YE SO HA

OM JIK TEN GON PO LA CHAK TS'HAL LO.
JIK TEN LA MA SI PA SUM GYI TO PA PO
LHA YI TSO WO DU DANG TS'HANG PE TO PA PO.
T'HUP PAY GYAL CHOK TO PE DRUP PAR DZE PA PO

JIK TEN SUM GYI GON PO CHOK LA CHAK TS'HAL LO.
DE SHEK PAK ME KU TE KU ZANG DZIN PA PO
DE SHEK NANG WA T'HA YE U GYEN DZIN PA PO.
CHAK YE CHOK JIN YI DAK TRE KOM SEL WA PO

CHAK YON SER YI PE ME NAM PAR GYEN PA PO.
DRI SHIM RAL PAY TH'RENG WA MAR SER KHYUK PA PO
ZHAL RE GYE PA DA WA TA BUR DZE PA PO.
CHEN GYI PE MA CHOK TU ZANG ZHING YANG PA PO

KHA WA DUNG TAR NAM KAR DRI NGE DEN PA PO.
DRI ME O CHAK MU TIK TS'HOM BU DZIN PA PO
DZE PAY O ZER KYA RENG MAR PO GYEN PA PO.
PE MAY TS'HO TAR CHAK NI NGAR WAR JE PA PO

TON KAY TRIN GYI DOK DANG DEN ZHING ZHON PA PO.
RIN CHEN MANG PO PUNG PA NYI NI GYEN PA PO
LO MAY CHOK TAR CHAK T'HIL ZHON ZHING JAM PA PO.
RI DAK PAK PE NU MA YON PA KAP PA PO

NYEN CHA DU BU GEK CHING GYEN NAM CHANG WA PO.
DRI MA ME PAY PE MAY CHOK LA NE PA PO
TE WAY NGO NI PE MAY DAP TAR JAM PA PO.
SER GYI KA RAK CHOK LA NOR BU TRE PA PO

TA ZUR TRI PAY RE ZANG SHAM T'HAP DZIN PA PO.
T'HUP PAY KHYEN CHOK TS'HO CHEN P'HA ROL CHIN PA PO
CHOK NYE SO NAM MANG PO NYE WAR SAK PA PO.
TAK TU DE WAY JUNG NE GA NE SEL WA PO

SUM T'HAR DZE CHING KHA CHO CHO PA TON PA PO.
LU CHEN CHOK TE DU PUNG T'HRUK LE GYAL WA PO
SER GYI KANG DUP DRA YI ZHAP YI ONG WA PO.
TS'HANG PAY NE PA ZHI YI WEN PAR DZE PA PO

NGANG PAY DRO DRA LANG CHEN DREK TAR SHEK PA PO.
TS'HOK KUN NYE WAR DAK SHING TEN PA NYER WA PO.
O MAY TS'HO DANG CHU YI TS'HO LE DROL WA PO

GANG ZHIK TAK TU T'HO RANG LANG NE GU PA YI.
CHEN RE ZIK KYI WANG PO YI LA SEM JE CHING
TO PAY CHOK DI DAK CHING SAL WAR TO JE NA.
DE NI KYE PA AM NI BU ME YIN KYANG RUNG
JIK TEN DI AM MA ONG KYE WA T'HAM CHE DU.
JIK TEN JIK TEN LE DE GO PA KUN DRUP SHOK

- **Tiếng Việt**
- **Tạng Văn**
- **Tạng Âm**
- **English**

PO PRAYER: PRAISE TO CHENREZIG

I prostrate in front of the Three Rare and Sublime Ones.

NA MO MAN JU SHRI YE. NA MA SU SHRI YE. NA MO U TA MA SHI RI YE SO HA

Recite 3 times

I prostrate to the protector of the Universe, to the Lama of the Universe, who is celebrated by the beings of the three worlds, honored by the princes of the gods, the demons, and Brahma, He who gives the Accomplishment, the One who Shakyamuni, the sublime victor glorifies.

I prostrate to the Sovereign Protector of the Three Worlds, the one who possesses the Excellent Body of the multitude of Buddhas and whose crown is the Buddha of boundless light. Making the gesture of Supreme Giving, your right hand satisfies the hunger and thirst of the hungry spirits.

Perfectly adorned, your left hand holds a golden lotus. Adorned with orange necklaces, your perfumed hair sparkles Your beautiful face shines like a full moon. Your wide lotus-like eyes are of sublime beauty.

You are perfumed, and as perfectly white as a snowy conch shell. You hold an immaculate pearl white glittering rosary. You are clothed in dawn's marvelous lights. Your smooth hands spread like a lotus lake.

Your youthful glisten is like that of the autumn clouds. Your shoulders are adorned with many jewels. Your hands are as tender and young as the most exquisite leaves. Your left breast is covered with a deerskin.

Gracious adornments decorate your ears, wrists, and angles. You dwell upon a noble and immaculate

lotus. Your navel has the beauty and softness of a lotus petal. Your belt is of the finest jewel-encrusted gold.

Your hips are dressed in the best of silks. You are the Sublime Knowledge of Shakyamuni, He Who's Gone Beyond the Great Ocean. You have fully gathered numerous virtues and have reached the Sublime. You are the source of continuous bliss, the One who destroys old age and illness.

You who stops the Three, you display the enjoyments of the Dakinis' realms. Sublime among beings, you are victorious in battle over hosts of demons. Your golden anklets tinkle charmingly with golden rings that encircle your ankles. Your solitude of retreat is beyond the four Brahma absorptions.

You move with the grace of a swan and the dignity of an elephant. Keeper of the doctrine, you have completely gathered the accumulations. You are the Savior who liberates from the ocean of milk (calm) and from the ocean of water (becoming).

Whoever will rise with respect at dawn, thinking of Chenrezik's powers, and who, with pure mind will clearly praise him thus, whether male or female, In this and all future lives, may he satisfy all needs in and beyond this world of destruction.

recite this prayer 7 or 21 times